

# RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO SINH VIÊN KHOA LỊCH SỬ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954-1975

ThS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH\*

**Abstract:** Vietnam history in the period 1954-1975 is an important content in history curriculum of grade 12 at high school. This article focuses on studying the content of national history at this period, and suggests some proper teaching methods. This article also gives requirements of the pedagogical training for students at the Faculty of History - Hanoi National University of Education.

**Keywords:** Pedagogical training, Vietnam History...

Công cuộc CNH, HĐH đất nước hiện nay đã và đang đặt ra nhiệm vụ mới cho các trường sư phạm: phải đào tạo một đội ngũ giáo viên (GV) có chất lượng cao, năng động, sáng tạo, giỏi về chuyên môn và vững vàng về nghiệp vụ sư phạm (NVSP). Để làm tốt sứ mệnh của mình, Khoa Lịch sử (LS) - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN) đã giải quyết tốt mối quan hệ giữa đào tạo khoa học cơ bản với khoa học giáo dục; giữa nâng cao trình độ lý thuyết với khả năng thực hành sư phạm cho sinh viên (SV). Trong suốt quá trình đào tạo, những kỹ năng (KN) NVSP của một GV LS được hình thành và phát triển song song với quá trình SV được bồi dưỡng về kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành.

Việc dạy học Lịch sử (DHLS) đòi hỏi sự thống nhất cao, chặt chẽ giữa mục tiêu - nội dung dạy học với các phương pháp và hệ thống thao tác cụ thể. Thực tế đã chứng minh: “chất lượng giáo dục LS không chỉ phụ thuộc vào nội dung kiến thức LS mà còn phụ thuộc trực tiếp bởi phong cách, phương pháp dạy học (PPDH) của GV và hệ thống thao tác sư phạm mà thầy thực hiện trong bài giảng” [1; tr 25]. Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi tập trung tìm hiểu những đặc điểm của nội dung kiến thức lịch sử Việt Nam (LSVN) giai đoạn 1954-1975 trong chương trình LS ở trường phổ thông hiện nay; từ đó, định hướng PPDH phù hợp và đặt ra một số yêu cầu đối với việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (RLNVSP) cho SV đang theo học tại Khoa LS - Trường ĐHSPHN.

## 1. Vai trò, ý nghĩa của việc rèn RLNVSP cho SV Khoa LS - Trường ĐHSPHN

Tại Trường ĐHSPHN, việc cung cấp kiến thức chuyên môn và RLNVSP là hai bộ phận chính trong nội dung chương trình và kế hoạch đào tạo. Nhờ tham gia vào hoạt động RLNVSP, SV có điều kiện tích lũy

kinh nghiệm, hình thành hệ thống các KN sư phạm, bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp, hình thành phẩm chất, năng lực của người GV tương lai. Giảng viên là người trực tiếp đào tạo “nguồn nhân lực cho đất nước”, vì vậy, đổi mới, nâng cao chất lượng RLNVSP cho SV Khoa LS - Trường ĐHSPHN là góp phần đào tạo ra đội ngũ GV dạy LS có chất lượng cao, đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn giáo dục nước nhà trong xu thế hội nhập.

Trong quá trình đào tạo, việc tổ chức các hoạt động RLNVSP tạo điều kiện cho SV có thể biến hệ thống tri thức đã học thành những KN sư phạm, kết hợp thường xuyên, kịp thời lý luận với thực tế, học đi đôi với hành. Qua đó, SV được tập dượt những thao tác, KN cơ bản của các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông. Mọi công việc thực hành, rèn luyện trong giai đoạn này đều là bước đi ban đầu, đặt cơ sở cho việc thực hành, luyện tập những KN tổng hợp cho giai đoạn sau. Xuất phát từ những đặc trưng riêng của bộ môn, theo chúng tôi, ngoài những KN chung mà mọi GV phải có, GV LS cần có thêm những KN: biết khôi phục lại “bức tranh LS” quá khứ một cách sinh động, giàu hình ảnh và xúc cảm; biết lựa chọn sự kiện cơ bản để cung cấp cho học sinh (HS); tiếp cận và sử dụng các nguồn tư liệu gốc; sử dụng thành thạo đồ dùng trực quan và các phần mềm ứng dụng trong dạy học; tổ chức các hoạt động ngoại khóa; dạy học tích hợp với các môn khoa học khác; xây dựng và sử dụng hồ sơ tư liệu...

Như vậy, một bài giảng thành công không chỉ phụ thuộc vào nội dung kiến thức LS, mà còn được quyết định trực tiếp bởi phong cách, PPDH của GV và hệ thống thao tác mà người thầy sử dụng. Trên cơ sở

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

nắm vững tri thức LS, một GV giỏi sẽ biết cách tổ chức cho HS học tập sao cho đạt hiệu quả cao nhất bằng những PPDH phù hợp; từ đó, truyền cảm hứng và niềm đam mê LS để các em hiểu bài nhanh và sâu sắc nhất. Do đó, SV Khoa LS - Trường ĐHSPHN vừa cần có kiến thức LS chuyên ngành, vừa phải tích cực RLNVSP bộ môn.

## 2. Đặc điểm nội dung kiến thức LSVN giai đoạn 1954-1975 trong chương trình LS hiện nay ở trường phổ thông

2.1. Chương trình LS lớp 12 chỉ đề cập lịch sử thế giới (LSTG) khoảng 50 năm của thế kỉ XX (từ 1945-2000) và LSVN gần 100 năm (từ 1918-2000). Đó là khoảng thời gian rất ngắn so với chương trình môn LS ở lớp 10, lớp 11, HS được học toàn bộ LS của xã hội loài người và dân tộc từ nguồn gốc đến thế kỉ XIX. Từ cấu tạo của chương trình như vậy nên các bài viết trong **LS12** nói chung, giai đoạn LSVN 1954-1975 nói riêng rất cụ thể và chi tiết. Nội dung LSVN giai đoạn này nằm trọn trong *Chương IV: Việt Nam từ 1954-1975*, dài 42 trang, gồm 3 bài (Bài 21, 22, 23) được phân phối dạy trong 7 tiết. Bài học nào cũng đầy ắp các sự kiện, số liệu, địa danh, nhân vật, khái niệm LS. Chẳng hạn, chỉ riêng “*Phong trào Đông Khởi*” (1959-1960) (tiểu mục 2, phần III, Bài 21, **LS12**) đã được viết rất dài, bằng cả ba lần độ dài của “*Phong trào đấu tranh chống quân xâm lược Minh*” và “*Khởi nghĩa Lam Sơn*” được viết trong **LS10**. Điều đó đòi hỏi khi dạy LSVN giai đoạn này, GV không chỉ nắm rõ các nội dung được giảng tải, bám sát “chuẩn kiến thức” mà phải tăng cường hơn tính khái quát, cái chung của các sự kiện, hiện tượng LS, giúp HS hiểu rõ logic tất yếu của LS.

2.2. Nếu như ở lớp 10, lớp 11, kiến thức LSTG và LS dân tộc tương đối độc lập, ít có mối quan hệ với nhau, thì ở lớp 12, mối quan hệ giữa hai phần kiến thức đó rất chặt chẽ. Ví dụ, Cuộc kháng chiến chống Mĩ là cuộc chiến tranh giữa 2 quốc gia (Mĩ và Việt Nam), nhưng lại là một trong những điển hình phản ánh mâu thuẫn giữa hai phe “xã hội chủ nghĩa” và “tư bản chủ nghĩa” trong thời kì “chiến tranh lạnh”. Vì vậy, nhân dân ta đã nhận được sự giúp đỡ to lớn cả về vật chất lẫn tinh thần từ Liên Xô - “người anh cả” của phe xã hội chủ nghĩa. Sự giúp đỡ đó phản ánh mối quan hệ hữu nghị, gắn bó đặc biệt giữa hai đất nước; đồng thời, cũng phản ánh sự phức tạp của tình hình thế giới trong thời kì này. Việc gia tăng mức độ can thiệp của cả Mĩ và Liên Xô vào chiến tranh Việt Nam trong lúc chiến tranh lạnh đang được đẩy lên mức cao nhất, đồng thời nó cũng làm cho cuộc chiến ở Việt Nam diễn ra ngày càng quyết liệt và in đậm dấu ấn của xung đột Đông - Tây. Tính chất “quốc

tế” của chiến tranh Việt Nam vì thế ngày càng rõ nét. Vì vậy, khi dạy học LSVN giai đoạn 1954-1975, GV cần đặc biệt chú ý tới đặc điểm này của kiến thức, hướng dẫn cho HS có phương pháp xác định mối quan hệ, ảnh hưởng qua lại giữa LSTG với LS dân tộc, giúp cho HS hiểu sâu sắc hơn những vấn đề của LS dân tộc giai đoạn này.

2.3. LS là môn học về quá trình phát triển của xã hội loài người và của dân tộc từ trước đến nay. Những kiến thức của môn học phản ánh thành tựu của khoa học LS tương đối ổn định, được chọn lọc đưa vào sách giáo khoa cho phù hợp với mục tiêu giáo dục, khả năng nhận thức của HS. Những kiến thức đó phản ánh đời sống của xã hội loài người, của đất nước, dân tộc... nên rất gần với chính trị. Vì vậy, không một sự kiện, hiện tượng nào của LS dân tộc giai đoạn này lại không ít nhiều gắn với chính trị, với lập trường, thái độ của người dạy và học. Điều đó đòi hỏi GV trong quá trình dạy phải *nhạy bén, định hướng nhận thức cho HS khi đánh giá, nhận xét sự kiện LS theo tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng*.

2.4. Nguồn sử liệu, tư liệu phục vụ cho dạy học LSVN giai đoạn 1954-1975 vô cùng phong phú, đa dạng và cũng rất phức tạp. Vì vậy, trong quá trình dạy học, GV một mặt phải biết khai thác có chọn lọc nguồn “tư liệu gốc” quý giá, đáng tin cậy, như: các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tranh ảnh, phim tư liệu LS, tài liệu văn học có liên quan, hướng dẫn HS lĩnh hội kiến thức theo những nguồn tư liệu đó; mặt khác, phải định hướng nhận thức cho HS khi tiếp xúc với những nguồn tài liệu, tư liệu không chính thống, tránh làm sai lệch nhận thức của các em.

2.5. Giai đoạn LSVN từ 1954-1975 nằm trong chương trình ôn thi LS của kì thi quốc gia chung năm 2015 (thi tốt nghiệp và thi đại học những năm trước). Do đó, việc DHLS giai đoạn này hiện nay đang đứng trước những áp lực rất lớn từ nhiều phía, cả về yêu cầu đổi mới PPDH, chống lại sự suy giảm chất lượng bộ môn; cả từ phía xã hội, phụ huynh HS, áp lực thi cử... Một trong những khó khăn rất lớn để đổi mới PPDH LS hiện nay là xuất phát từ phía HS. Hầu hết HS chưa có thói quen học tập chủ động, tích cực, chưa tự giác tham gia vào quá trình lĩnh hội kiến thức, vẫn còn tư tưởng “trọng khoa học tự nhiên” coi nhẹ “khoa học xã hội”... nên không có động lực học tập cao đối với môn LS. Vì vậy, làm thế nào để việc dạy học LS trở nên sinh động và hấp dẫn ở học đường, làm thế nào để truyền cảm hứng yêu thích tìm hiểu LS oai hùng của dân tộc... luôn là một câu hỏi lớn và bức thiết với những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy LS hiện nay.

### **3. Một số đề xuất về PPDH và RLNVSP cho SV Khoa LS - Trường ĐHSPHN trong dạy học LSVN giai đoạn 1954-1975**

**3.1.** Nội dung LSVN giai đoạn 1954-1975 rất dài, nhiều kiến thức cụ thể và chi tiết, với rất nhiều sự kiện, niên đại, nhân vật LS. Trong khi thời gian lên lớp có hạn, nếu GV chỉ chú tâm dạy theo sách giáo khoa thì bài giảng sẽ rất nặng nề, HS mệt mỏi, dễ dẫn đến “cháy giáo án”... Vì vậy, GV phải bám sát vào “chuẩn kiến thức” của chương trình cũng như “chuẩn kiến thức” mỗi bài để tổ chức cho HS lĩnh hội vững chắc kiến thức đó. Căn cứ vào đối tượng, trình độ của HS, điều kiện cụ thể của lớp học mà xác định *dạy cái gì và dạy như thế nào* sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

Để làm được điều này, trong quá trình đào tạo, SV Khoa LS cần được rèn luyện KN lựa chọn sự kiện cơ bản để cung cấp cho HS. Từ những kiến thức nền tảng được trang bị trong các học phần LSVN hiện đại, SV sẽ được hình thành và phát triển KN này qua các học phần thuộc chuyên ngành lí luận và PPDH. SV phải biết vận dụng các PPDH mới vào soạn giáo án, lập kế hoạch bài học; phải tiếp cận, nghiên cứu và tìm hiểu các tài liệu hướng dẫn dạy học theo chuẩn kiến thức, KN; nắm chắc phân phối chương trình bộ môn LS để biết nội dung kiến thức nào cần khắc sâu, nhấn mạnh cho HS, nội dung nào giảm tải, nội dung nào đi lướt hoặc hướng dẫn HS đọc thêm... Đặc biệt, với HS lớp 12, cần tập trung vào những nội dung ôn thi, nên GV phải có KN hướng dẫn HS ôn tập, hệ thống hoá kiến thức qua việc sử dụng sơ đồ tư duy, niên biểu, bảng so sánh; dành thời gian để củng cố kiến thức cho HS khi kết thúc mỗi chương, mỗi bài...

**3.2.** Cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước 1954-1975 là một bản anh hùng ca chiến đấu và chiến thắng vĩ đại của nhân dân Việt Nam trong thế kỉ XX. Dấu cuộc chiến tranh đã lùi xa nhưng âm vang hào hùng của nó vẫn không thể phai mờ trong kí ức của mỗi thế hệ người dân Việt Nam. Đây chính là những bài học có giá trị giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức sâu sắc nhất dành cho thế hệ trẻ - cũng là 1 trong 3 mục tiêu mà môn LS hướng tới, phải thực hiện trong chương trình giáo dục phổ thông.

Tuy nhiên, kiến thức về những sự kiện, địa danh LS, nhân vật anh hùng làm nên chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Mĩ được phản ánh trong sách giáo khoa đôi khi còn dàn trải, thiếu những “điểm nhấn”, có tính “thông tin sự kiện”... coi nhẹ việc khắc hoạ sự kiện, chưa chú trọng đến giá trị giáo dục của sự kiện, đặc biệt là các sự kiện LS tiêu biểu. Có thể khẳng định, muốn đạt tới giá trị giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức sâu sắc cho HS qua môn LS, GV phải rất quan tâm đến việc khôi phục lại chân thực, sống động bức

tranh quá khứ LS, làm sao để mỗi tấm gương “người thực, việc thực” phải chạm được đến trái tim, tâm hồn, giúp định hướng hành động các em trong học tập và cuộc sống.

Vì vậy, muốn đạt tới giá trị giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức sâu sắc cho HS qua môn LS, GV phải đặc biệt quan tâm đến việc khôi phục lại chân thực, sống động “bức tranh quá khứ” LS, để mỗi tấm gương “người thực, việc thực” phải chạm được đến trái tim, tâm hồn của các em, giúp định hướng hành động của các em trong học tập và trong cuộc sống. Muốn làm được điều này, SV khoa LS phải được rèn luyện về KN “*diễn đạt ngôn ngữ nói*” trong dạy học, để trở thành người GV có thể truyền cảm hứng và niềm đam mê, yêu thích bộ môn đến cho HS (rèn phát âm chuẩn, điều chỉnh ngữ điệu, âm lượng, cao độ, trường độ, ánh mắt, cử chỉ, biểu lộ nét mặt...) sao cho phù hợp với nội dung và xúc cảm LS muốn truyền tải đến HS. Cùng với đó, SV cần chăm chỉ đọc sách LS chuyên ngành, sách bồi dưỡng kiến thức văn hoá, xã hội để làm giàu thêm vốn từ vựng; tham gia nhiệt tình các hoạt động đoàn thể; tích cực trao đổi, thảo luận, phát biểu ý kiến trong mỗi giờ lên lớp... để rèn sự tự tin, khả năng ăn nói lưu loát, diễn đạt trong sáng, sinh động, dễ hiểu... Tất cả những công việc đó SV cần thực hiện từng bước, đều đặn hằng ngày, cũng như cả quá trình làm nghề sau này.

**3.3.** Chương trình LSVN lớp 12 đã đề cập khá toàn diện và hệ thống tiến trình LS từ 1954-1975. Đây cũng là giai đoạn có vô vàn tư liệu GV có thể khai thác và sử dụng trong dạy học. Mặc dù sách giáo khoa không đề cập đến, nhưng những bức tranh, ảnh, bản đồ, biểu đồ hay bộ phim LS về kháng chiến chống Mĩ rất dễ tìm thấy từ nhiều nguồn khác nhau, như: hồ kí cách mạng; phim tài liệu LS của đài truyền hình Việt Nam, hãng phim truyện Việt Nam; phim tư liệu nước ngoài, Internet... Để thuận tiện cho việc sử dụng, GV, SV nên xây dựng những bộ hồ sơ tư liệu phù hợp với nội dung kiến thức của từng bài học, làm cho mỗi bài giảng trở nên sinh động, hấp dẫn và mang “hơi thở, không khí LS” hơn, GV nên lựa chọn để kể cho HS nghe một vài câu chuyện hay xem một đoạn phim ngắn gắn với những nhân vật, sự kiện tiêu biểu của bài; từ đó, rèn cho các em khả năng sử dụng thao tác, trình bày miệng, biểu cảm nét mặt trong dạy học.

**3.4.** Mong muốn những GV dạy LS tương lai có được cảm xúc và cái nhìn chân thực nhất về bức tranh LS quá khứ của dân tộc, Khoa LS - Trường ĐHSPHN cần chú ý đến PPDH trải nghiệm thực tế tại những địa danh, di tích LS - gắn liền với những trận đánh tiêu biểu trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước vào chương trình đào tạo. Đây là hoạt động rất thiết thực

và bổ ích được thực hiện ngay từ năm học thứ hai, thứ ba của khóa học. SV được đến tận nơi để chứng kiến và cảm nhận, nghiên cứu, tìm hiểu và xây dựng ý tưởng cho những bài giảng trên lớp sau này.

Dạy học không chỉ là một khoa học mà còn là một nghệ thuật, thành công của mỗi bài giảng phụ thuộc rất lớn vào sự sáng tạo của người thầy. Một GV LS làm sao có thể dạy hay, xúc động về trận chiến đẫm máu ở Thành cổ Quảng Trị; về sự hi sinh dũng cảm của 10 cô gái thanh niên xung phong ở Ngã ba Đồng Lộc; về sự kiên cường và sức chiến đấu mãnh liệt của quân dân Củ Chi được duy trì bởi một hệ thống địa đạo - đường hầm nhiều tầng lớp; về những tổn thất, đau thương và mất mát của quân dân Việt Nam khi thấp nén tâm hương lên mộ các liệt sĩ ở nghĩa trang quốc gia Trường Sơn... nếu người GV ấy chưa từng được một lần đặt chân đến những địa danh nổi tiếng này.

\*\*\*

Như vậy, nếu kiến thức chuyên môn mà SV tiếp thu được trên giảng đường đại học là yếu tố quyết định cho công tác dạy học sau này, thì RLNVSP sẽ giúp các em có được nghệ thuật và phương pháp để

truyền đạt một phần kiến thức ấy vào “khối óc và trái tim HS”. LSVN giai đoạn 1954-1975 là một trong những “bản hùng ca vĩ đại nhất” trong LS oai hùng của dân tộc. Làm thế nào để âm hưởng của nó còn vang mãi trong trái tim và tâm hồn của các thế hệ trẻ sau này, điều đó phụ thuộc rất lớn vào tài năng và tâm huyết của những GV dạy LS. Vì vậy, Khoa LS - Trường ĐHSPHN phải không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng của hoạt động RLNVSP cho SV để có những GV tương lai có thể thực hiện được nhiệm vụ thiêng liêng và cao cả ấy. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Kiều Thế Hưng (1999). *Hệ thống thao tác sư phạm trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông trung học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Bộ GD-ĐT (2014). *Lịch sử 12*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Nguyễn Thị Côi (chủ biên) (2009). *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Trịnh Đình Tùng (chủ biên) (2010). *Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Lịch sử lớp 12*. NXB Đại học Sư phạm.

## Kĩ thuật và nghệ thuật tạo hứng thú...

(Tiếp theo trang 66)

hước thể hiện một khía cạnh nội dung đang chuyển tải, cần sử dụng KT, NT kể chuyện có hình tượng, có ngữ điệu để cuốn hút NH.

Trong DH, lựa chọn phương pháp DH tích cực để triển khai hoạt động học tập của NH là một cách tạo hứng thú học tập hữu hiệu. Hiện nay, phương pháp DH dựa trên vấn đề hay phương pháp “bàn tay nặn bột” thường dùng để lôi cuốn NH vào hoạt động học và là phương pháp DH kích thích được hưng phấn học của NH nếu ND biết tổ chức tốt. Ví dụ, với phương pháp “bàn tay nặn bột” nếu ND biết chọn vấn đề, chủ đề (tất nhiên liên quan đến nội dung học) để NH (cá nhân hay nhóm) tự xây dựng thành các câu hỏi nội dung rồi sau đó ND tích hợp thành một số câu hỏi mở để các cá nhân, nhóm đề ra phương án, giả thuyết và thực nghiệm tìm tòi câu trả lời và cùng ND chọn phương án giải quyết tối ưu. Với phương pháp tiến hành thực nghiệm, tìm tòi, nghiên cứu cân giao nhiệm vụ cho từng nhóm hoạt động “tự do sáng tạo” với sự “can thiệp hợp lý” của ND. Với hoạt động như vậy, thời gian hưng phấn sẽ được duy trì lâu hơn nếu ND biết xúc tác đúng lúc, đúng chỗ. Ngay cả khi hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm kết

thúc, ở công đoạn NH trình bày những khám phá hay trình bày minh chứng thuyết phục ND cũng phải là người đạo diễn sao cho sự tham gia là tối đa cho các thành viên trong nhóm. ND biết đặt ra các câu hỏi dẫn dắt hay gợi ý minh họa gắn với trải nghiệm của NH để lôi kéo NH tham gia tranh luận ôn hòa. Với cách tổ chức lớp học như vậy chắc chắn lớp học sẽ có hưng phấn và NH học sẽ có kết quả.

\*\*\*

Trong DH, nếu NH không muốn học, không thích học thì dù ND có sử dụng phương pháp DH nào cũng khó có hiệu quả. Việc tạo được hứng thú học cho NH là điều kiện tiên quyết cho thành công trong DH. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Denome, M. Roy (2009). *Sư phạm tương tác - Một tiếp cận khoa học thân kinh về dạy và học* (Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội dịch). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] William Arthur Ward (1970). *The Words of William Arthur Ward. Droke House*; ISBN 0837567491.
- [3] Đặng Xuân Hải (2011). *Kĩ thuật dạy học trong đào tạo theo tín chỉ*. NXB Bách khoa Hà Nội.
- [4] Robert J. Marzano. *Nghệ thuật và khoa học của dạy học* (Nguyễn Hữu Châu dịch) (2011). NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên) (2010). *Tâm lý học đại cương*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.